

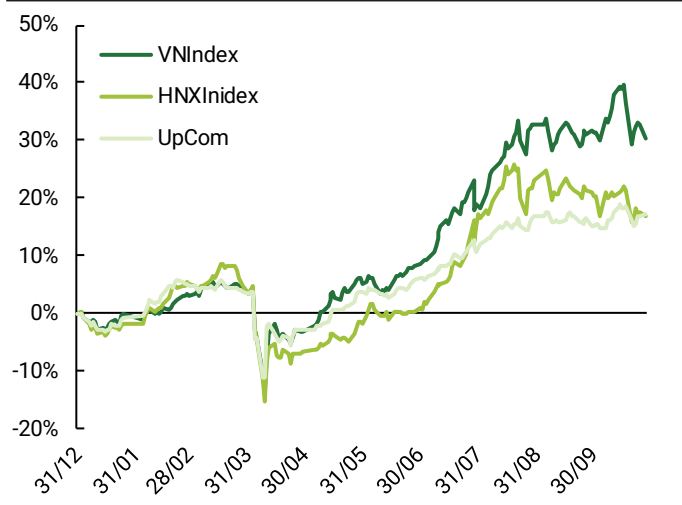
VN-Index **1652.54 (-1.82%)**
1016 Tr. cổ phiếu 30908.9 Tỷ VND (2.93%)

HNX-Index **265.36 (-0.72%)**
102 Tr. cổ phiếu 2291.6 Tỷ VND (-11.45%)

UPCOM-Index **111.24 (0.33%)**
36 Tr. cổ phiếu 601.7 Tỷ VND (-23.73%)

VN30F1M **1891.50 (-2.37%)**
413,732 HD OI: 35,164 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1652.5, giảm 30.6 điểm (-1.82%). Thanh khoản chưa quá đột biến với độ rộng nghiêng về số mã giảm giá. Áp lực bán cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup nói riêng cùng với nhóm Bất động sản, Ngân hàng gây áp lực lên đà giảm. Dù vậy, dòng tiền vẫn hoạt động tốt ở các cổ phiếu nền giá thấp, đặc biệt với những nhóm ngành chịu ảnh hưởng từ thương mại trước đây đã có dấu hiệu tạo đáy phục hồi. Tuy nhiên, mức lan tỏa vẫn chưa cao.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: IDI (+2.1%), VHC (+1.8%) | Tiện ích: POW (+3.4%), REE (+0.8%) | Hóa chất: GVR (+3.2%), DPM (+2.6%) | Công nghệ: CMG (+1.9%), FPT (+0.3%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Bất động sản: VHM (-7.0%), VRE (-7.0%), DIG (-6.9%) | Ngân hàng: HDB (-4.9%), VPB (-3.1%), TCB (-2.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (-7.0%), VSC (-5.8%), HAH (-4.1%) | Dịch vụ tài chính: SSI (-3.3%), HCM (-2.6%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | GVR, POW, BVH, KBC, FTS - Chiều giảm | VHM, VIC, TCB, VPB, MWG

Khối ngoại Bán ròng gần 1100 tỷ đồng, tập trung nhiều ở SSI, MBB, MWG, trong khi mua ròng FPT, VPB, VIC.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nền đỏ Marubozu, dù vậy, thanh khoản chưa đủ lớn để cho thấy lực cung gây áp lực. Chỉ số nhìn chung vẫn đang vận động trong khung 1620 - 1690 điểm mang tính tích lũy. Hiện hỗ trợ gần quanh ngưỡng 1640 - 1650, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng này sẽ gia tăng rủi ro kiểm định biên dưới, ứng với khu vực quanh 1600 điểm. Lực cầu tại đây có thể giúp chỉ số bật tăng trở lại vào khung dao động. Ở chiều tích cực, đà tăng kỳ vọng quay lại khi thị trường đồng thuận bút phá và củng cố được trên ngưỡng 1710 điểm.
- Đối với HNX-Index**, lực cung cũng chiếm ưu thế hơn đẩy chỉ số đảo chiều về mức đỏ, cho thấy khu vực quanh 270 vẫn là kháng cự mạnh trong chiều phục hồi. Vận động khả năng trở lại củng cố thêm trong vùng 262 – 268.
- Chiến lược chung:** Sau khi đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn, các vị thế còn lại nghiêng về nắm giữ. NĐT nên theo dõi thêm phản ứng của thị trường trong quá trình tìm vùng cân bằng. Hạn chế việc mua đuổi hoặc bình quân giá xuống trước các dấu hiệu bật tăng hoặc dừng rơi chưa rõ ràng. Nhịp hồi nếu có nghiêng về cơ cấu cho các vị thế chưa kịp xử lý trước đó.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời PNJ (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với				Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với			
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																		
VN-Index	1,652.5	▼ -1.8%	1.0%	-0.5%	30,908.9	▲ 2.9%	-42.1%	14.5%	1,015.9	▲ 1.7%	-40.6%	5.2%						
HNX-Index	265.4	▼ -0.7%	0.9%	-3.9%	2,291.6	▼ -11.5%	-50.2%	-4.4%	102.2	▼ -12.3%	-46.4%	-8.1%						
UPCOM-Index	111.2	▬ 0.3%	0.8%	0.6%	601.7	▼ -23.7%	-47.1%	-8.2%	35.7	▼ -34.8%	-45.9%	-33.9%						
VN30	1,900.8	▼ -2.3%	1.6%	2.6%	17,331.8	▬ 0.4%	-43.3%	39.0%	450.0	▼ -0.2%	-45.1%	30.9%						
VNMID	2,330.7	▼ -1.4%	-1.9%	-6.6%	10,985.9	▲ 5.9%	-41.4%	-4.8%	384.4	▲ 4.8%	-39.3%	-10.0%						
VNSML	1,506.9	▼ -0.2%	1.0%	-6.8%	1,480.9	▲ 10.0%	-35.2%	-31.3%	97.1	▲ 6.5%	-36.3%	-32.8%						
Theo ngành (VNIndex)																		
Ngân hàng	625.9	▼ -1.6%	-5.48%	-4.1%	7,288.5	▼ -4.4%	-25.4%	-20.4%	300.1	▬ 0.7%	-20.3%	-12.7%						
Bất động sản	646.9	▼ -3.7%	1.1%	24.2%	6,326.0	▲ 32.6%	-15.0%	-9.2%	174.7	▬ 0.3%	-31.5%	-24.3%						
Dịch vụ tài chính	333.6	▼ -1.3%	-9.5%	-8.7%	6,720.6	▲ 2.9%	8.9%	31.3%	223.4	▲ 7.0%	13.6%	36.6%						
Công nghiệp	274.0	▼ -1.9%	-3.7%	12.4%	2,237.1	▲ 18.5%	-10.1%	7.6%	48.8	▲ 21.3%	-1.9%	9.8%						
Tài nguyên cơ bản	521.1	▼ -0.3%	-5.6%	-9.1%	983.0	▼ -5.8%	-46.7%	-49.1%	42.5	▼ -7.9%	-46.2%	-46.0%						
Xây dựng - Vật Liệu	190.2	▼ -1.4%	-2.4%	-3.4%	1,473.3	▼ -4.1%	-34.6%	-29.9%	57.7	▼ -2.1%	-33.9%	-32.4%						
Thực phẩm	537.4	▼ -0.6%	-3.8%	-2.5%	1,395.9	▼ -17.5%	-45.0%	-39.1%	39.2	▲ 9.8%	-25.6%	-25.9%						
Bán Lẻ	1,484.2	▼ -4.4%	1.8%	7.8%	1,026.1	▼ -13.6%	-18.5%	3.3%	12.5	▼ -32.1%	-26.8%	-8.5%						
Công nghệ	519.3	▬ 0.4%	10.1%	-2.0%	1,334.4	▼ -12.1%	-13.9%	20.2%	15.3	▼ -10.4%	-20.6%	9.9%						
Hóa chất	164.9	▲ 2.2%	-1.3%	-6.9%	534.9	▲ 38.4%	2.4%	9.6%	16.4	▲ 59.4%	3.5%	3.5%						
Tiện ích	638.4	▬ 0.2%	-0.1%	-4.2%	205.1	▼ -16.7%	-30.7%	-36.5%	11.3	▼ -0.4%	-21.7%	-22.7%						
Dầu khí	73.2	▼ -2.3%	-0.1%	-0.5%	281.1	▼ -17.1%	-24.1%	-29.9%	10.9	▼ -17.3%	-24.8%	-28.9%						
Dược phẩm	428.2	▬ 0.5%	0.4%	-1.5%	36.7	▼ -23.4%	-29.5%	-45.5%	1.5	▼ -19.3%	-42.9%	-52.2%						
Bảo hiểm	84.0	▲ 1.3%	-2.0%	-10.4%	27.5	▼ -25.7%	-18.3%	-21.6%	1.0	▼ -32.9%	-20.5%	-13.8%						

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,652.5 ▼	-1.8%	30.5%	15.9x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,324 ▬	0.7%	-5.5%	16.7x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,117 ▼	-1.9%	14.7%	20.4x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,109 ▬	0.3%	-3.8%	16.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,934 ▼	-0.9%	-9.1%	10.2x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,997 ▲	1.2%	19.2%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,434 ▲	1.0%	31.8%	12.8x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,512 ▲	2.5%	26.6%	22.0x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,792 ▬	0.8%	15.5%	28.3x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	47,207 ▲	1.0%	11.0%	23.4x	5.0x
FTSE 100	Anh	9,646 ▬	0.01%	18.0%	14.6x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,704 ▬	0.5%	16.5%	17.4x	2.4x
DX/USD		99 ▼	-0.15%	-8.9%		
USD/VND		26,300 ▼	-0.03%	3.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

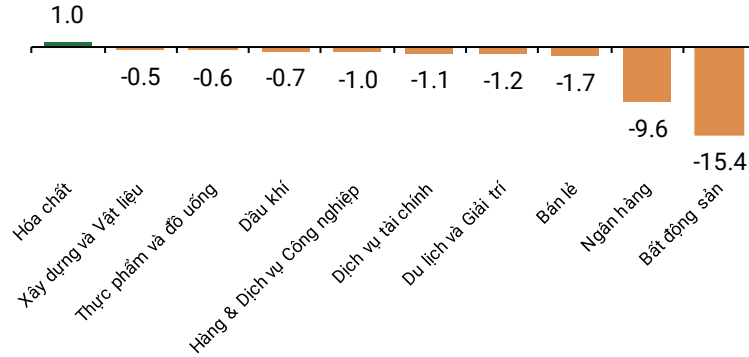
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.6%	-6.5%	-12.2%	-13.8%
Dầu WTI	▼	-0.6%	-7.0%	-14.8%	-14.9%
Khí gas	▼	-0.5%	16.0%	-9.5%	28.5%
Than cốc (*)	▲	3.5%	7.2%	-7.5%	-17.7%
Thép HRC (*)	▬	0.4%	-2.6%	-4.3%	-4.9%
PVC (*)	▼	-2.7%	-2.9%	-7.9%	-15.3%
Phân Urea (*)	▬	0.1%	-5.3%	7.1%	7.6%
Cao su thiên nhiên	▬	0.4%	0.7%	-11.4%	-10.1%
Bông Cotton	▲	1.4%	1.8%	-4.8%	-7.8%
Đường	▼	-2.6%	-8.1%	-24.3%	-34.1%
World Container Index	▲	3.5%	-0.8%	-54.1%	-43.6%
Baltic Dirty tanker Index	▲	3.1%	9.4%	35.5%	21.2%
Vàng	▼	-2.0%	7.2%	53.6%	46.7%
Bạc	▼	-2.3%	3.1%	64.4%	40.9%

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



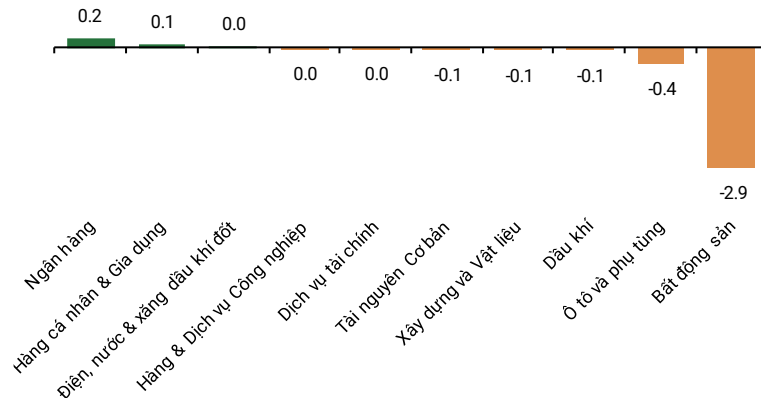
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

+0.07 (HAG)	-0.74 (GEX)
+0.08 (BSI)	-1.09 (MBB)
+0.09 (SAB)	-1.39 (VRE)
+0.09 (DPM)	-1.39 (HDB)
+0.12 (FPT)	-1.46 (CTG)
+0.13 (FTS)	-1.57 (MWG)
+0.16 (KBC)	-1.62 (VPB)
+0.18 (BVH)	-1.68 (TCB)
+0.24 (POW)	-4.36 (VIC)
+0.77 (GVR)	7.44 (VHM)

TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX

+19 (FTS)	-37 (HDC)
+19 (VIX)	-39 (CII)
+20 (GEE)	-41 (VHM)
+21 (FRT)	-42 (KBC)
+24 (ACB)	-43 (SHB)
+26 (MSN)	-58 (PDR)
+54 (LPB)	-86 (VCI)
+54 (VIC)	-90 (MWG)
+121 (VPB)	-446 (MBB)
+307 (FPT)	-578 (SSI)

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



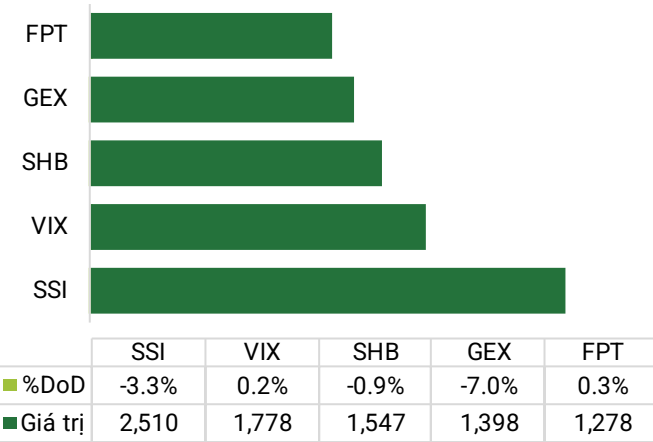
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

+0.02 (VIF)	-0.04 (L40)
+0.03 (NTH)	-0.04 (PVI)
+0.03 (MBS)	-0.04 (NAG)
+0.03 (VCS)	-0.05 (HGM)
+0.06 (PTI)	-0.06 (PVS)
+0.09 (TNG)	-0.11 (SHS)
+0.10 (DNP)	-0.19 (NTP)
+0.23 (NVB)	-0.40 (HUT)
+0.33 (IDC)	-1.67 (KSF)
+0.48 (THD)	-1.92 (CEO)

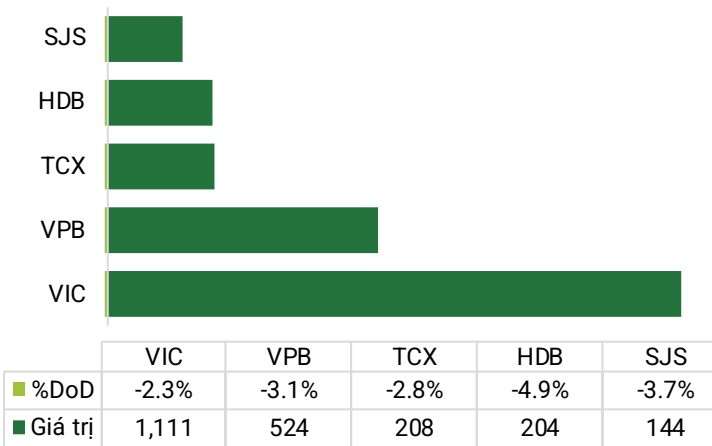
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX

+0.1 (VC3)	-0.5 (DTD)
+0.2 (L40)	-1.0 (NTP)
+0.2 (LAS)	-1.7 (VGS)
+0.3 (IPA)	-2.0 (PVS)
+0.4 (VTZ)	-2.6 (NRC)
+0.5 (NAG)	-4.0 (HUT)
+0.8 (APS)	-5.5 (MBS)
+0.9 (VFS)	-9.6 (IDC)
+1.2 (BVS)	-26.7 (SHS)
+3.9 (TNG)	-31.3 (CEO)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

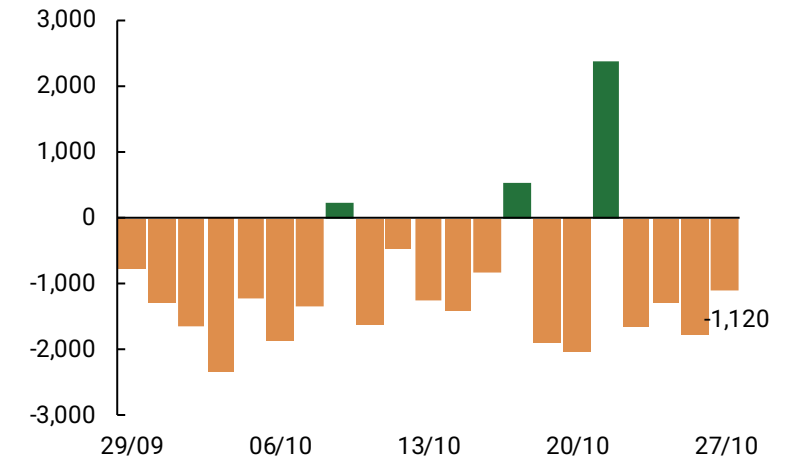


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

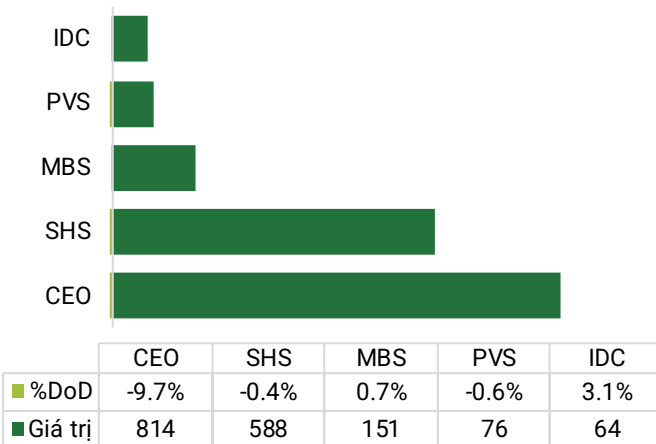


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

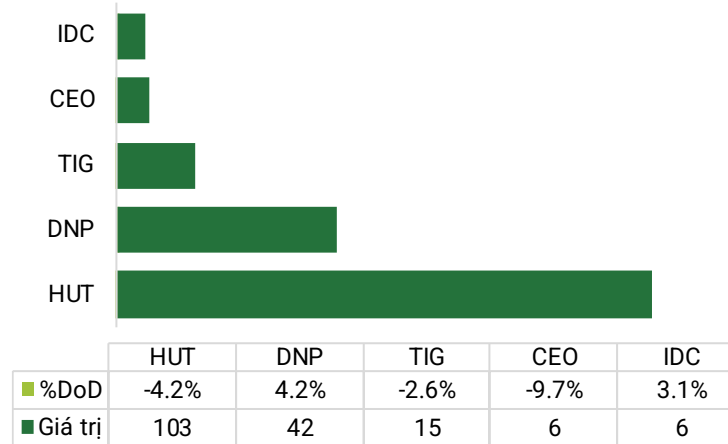
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



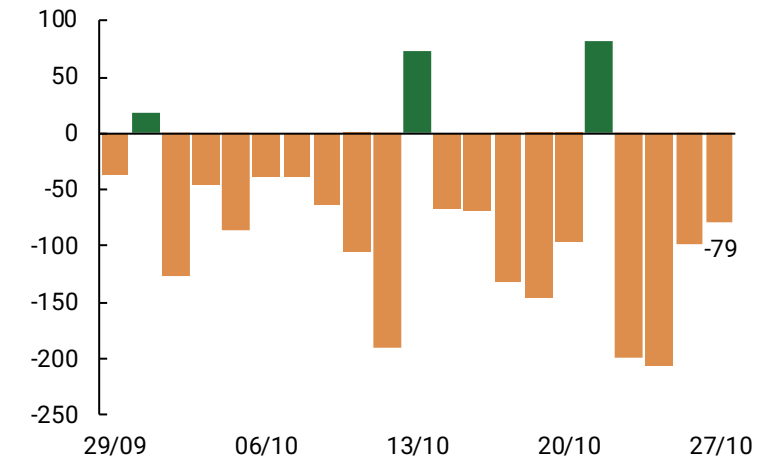
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến đỏ Marubozu, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1600 – 1620.
- ✓ Kháng cự: 1670 – 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1600 - 1700.

Kịch bản: Dù giảm điểm nhưng thanh khoản chưa quá đột biến, cho thấy chỉ số vẫn đang dao động trong khung tích lũy 1620 – 1690 điểm. Độ rộng thị trường chưa có nhiều cải thiện, tuy nhiên, điểm sáng là dòng tiền hoạt động tốt hơn ở nhóm cổ phiếu nền giá thấp khi một số mã đã có dấu hiệu dừng rơi. **VN-Index có thể nhận được lực đỡ khi lùi về lại biên dưới, ứng với khu vực quanh 1600 – 1620 điểm.**



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến đỏ Marubozu, vol thấp.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1900.
- ✓ Kháng cự: 1950 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI hạ nhiệt.
- ✓ Xu hướng: Kiểm định vùng 1850 - 1950.

➔ Chỉ số giảm nhưng thanh khoản thấp hàm ý lực cung chưa gây áp lực. Dù vậy, ở chiều mua lên dòng tiền vẫn thận trọng, thể hiện sự lưỡng lự vẫn còn. Nên trạng thái phù hợp có lẽ tiếp tục củng cố dao động quanh vùng 1900 điểm để cung - cầu có thể tìm được điểm cân bằng.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	PNJ	TAKE PROFIT	Current price	93.5	P/E (x)	15.3
Exchange	HOSE		Action price	87.7	P/B (x)	2.4
Sector	Personal Products		Take profit price (28/10)	93.5	EPS	6115.1
				6.6%	ROE	18.1%
				6.6%	Stock Rating	BB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

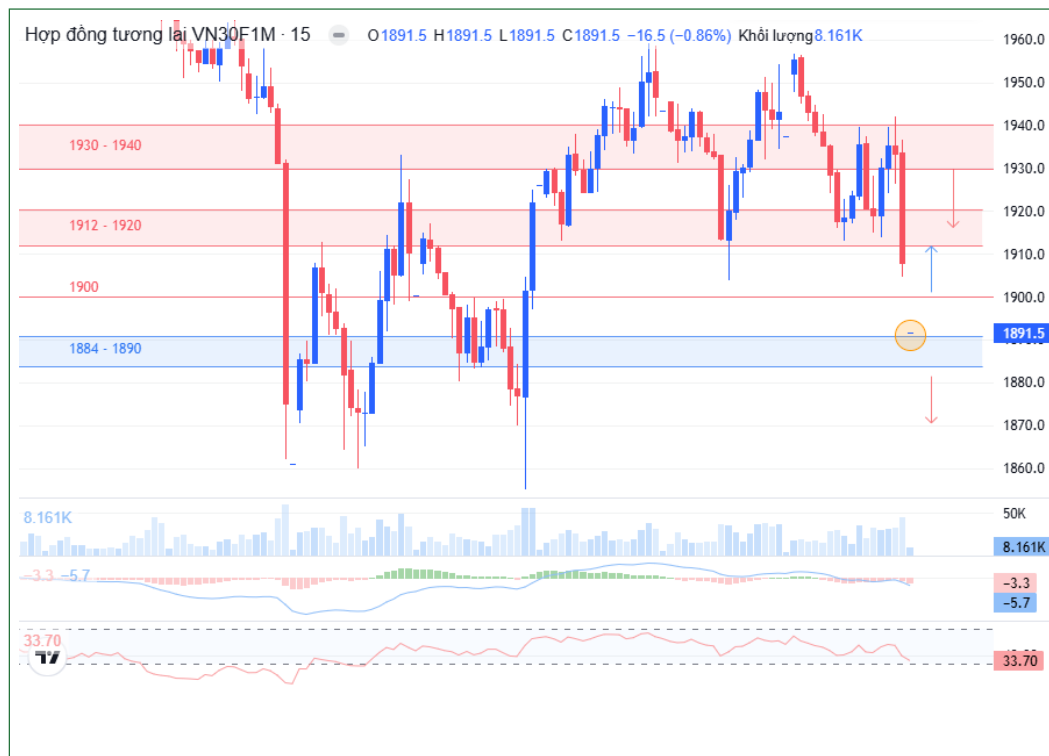
- Giá chạm mục tiêu ngắn hạn 95 - 96.
 - Giá điều chỉnh tại vùng cản hàm ý lực cung chiếm ưu thế hơn.
 - Chỉ báo RSI suy yếu khi tiếp cận khu vực quá mua 70, cho thấy khả năng động lượng tăng cần được củng cố trở lại.
- ➔ Xu hướng có thể hạ nhiệt để củng cố lại đà.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp tăng rớt trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PNJ	Chốt lời	28/10/2025	93.5	87.7	6.6%	96.0	9.5%	82.5	-5.9%	Chạm giá mục tiêu

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	NTP	Mua	17/10/2025	-	64.50	65.1	-0.9%	72.0	10.6%	61.0	-6.3%	
2	NT2	Mua	27/10/2025	-	22.80	23.0	-0.9%	26.0	13.0%	21.5	-6.5%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1891.5, giảm 45.9 điểm (-2.4%). Đà giảm chi phối trong phiên sáng, dù có nỗ lực phục hồi vào giữa phiên chiều nhưng áp lực bán tiếp tục thắng thế hơn về cuối phiên đẩy giá lao dốc.
- Ở đồ thị 15p**, chỉ báo RSI gần tiếp cận mức quá bán, cùng với “gap giảm” đột ngột qua mốc 1900 có khả năng cần được kiểm định lại. Giá có thể sẽ còn biến động mạnh đầu phiên nên theo dõi thêm vận động để có điểm vào lệnh tốt hơn. Vị thế Long cân nhắc khi giá hồi phục và củng cố trên ngưỡng 1900, trong khi chiều Short cân nhắc khi giá tiếp tục lùi về dưới ngưỡng 1884 hoặc có thể chờ khi có nhịp hồi và suy yếu tại kháng cự 1930.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1810.1, giảm 39 điểm (-2.1%). Hỗ trợ gần quanh khu vực 1800 trong khi kháng cự trong chiều hồi phục là ngưỡng 1830.

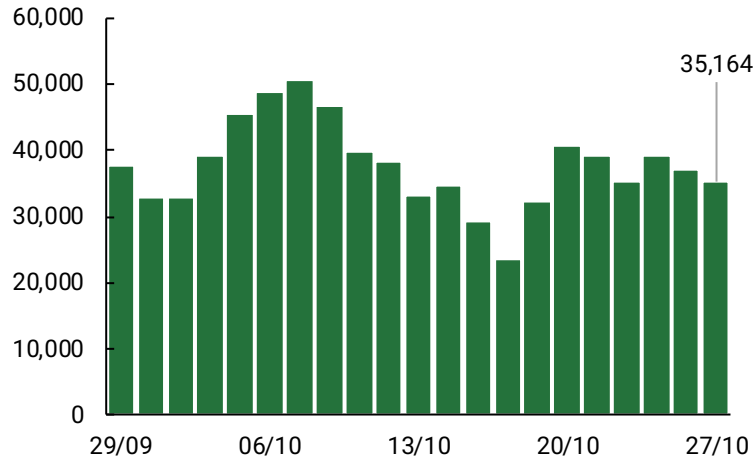
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.900	1.915	1.892	15 : 8
Short	< 1.884	1.870	1.892	14 : 8
Short	< 1.930	1.914	1.940	16 : 10

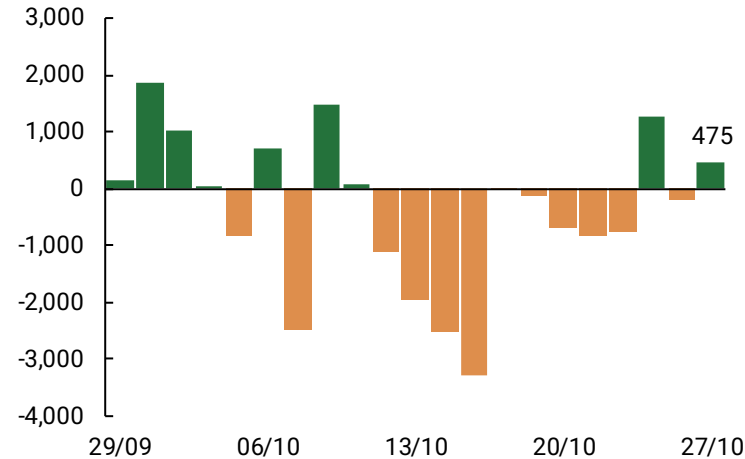
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,889.9	-40.1	86	97	1,913.0	-23.1	18/06/2026	234
41I1G3000	1,889.8	-31.2	102	272	1,908.2	-18.4	19/03/2026	143
VN30F2512	1,900.0	-37.7	1,340	2,483	1,903.5	-3.5	18/12/2025	52
41I1FB000	1,891.5	-45.9	413,732	35,164	1,902.0	-10.5	20/11/2025	24
41I2FB000	1,810.1	-39.0	159	115	1,811.8	-1.7	20/11/2025	24

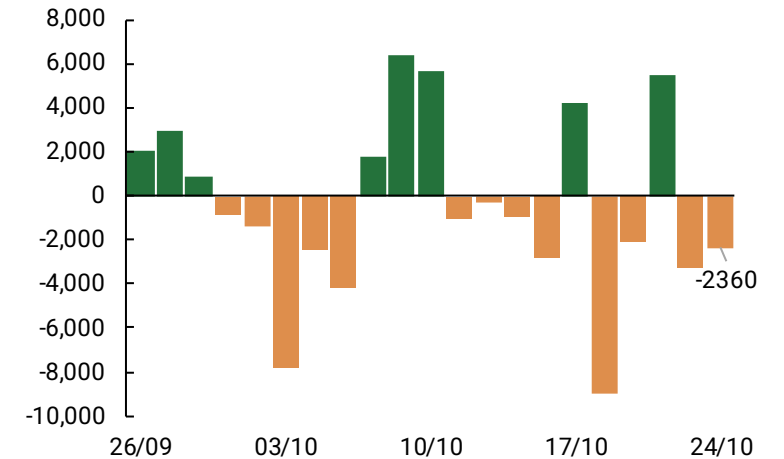
Khối lượng mở (Open interest)



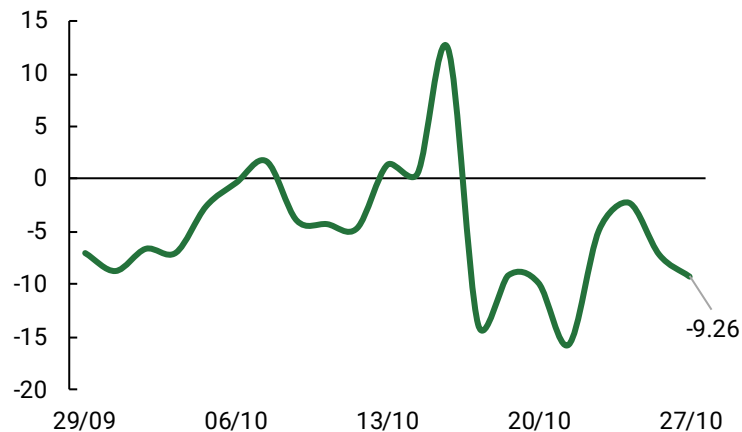
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



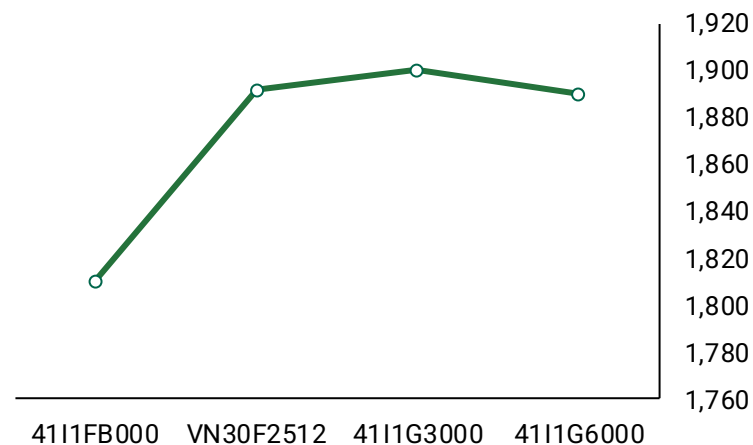
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



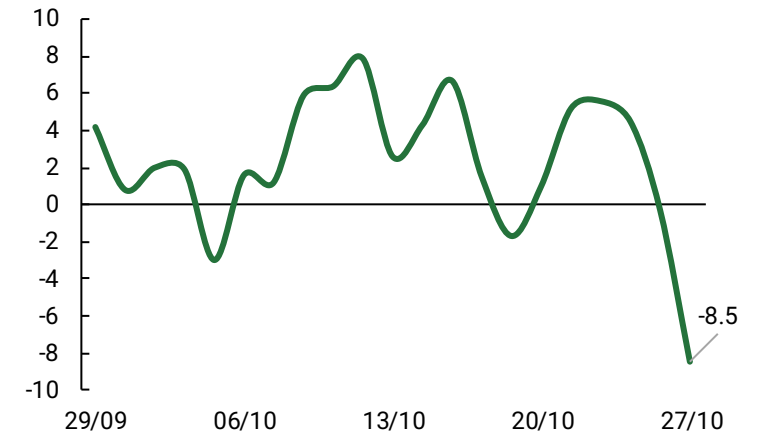
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,900	65,400	-11.5%	Bán
BCM	65,500	74,500	13.7%	Tăng tỷ trọng
CTD	87,200	92,400	6.0%	Nắm giữ
CTI	23,450	27,200	16.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,000	68,000	28.3%	Mua
DDV	32,522	35,500	9.2%	Nắm giữ
DGC	92,900	102,300	10.1%	Tăng tỷ trọng
DGW	39,050	48,000	22.9%	Mua
DPR	37,600	41,500	10.4%	Tăng tỷ trọng
DRI	11,598	18,000	55.2%	Mua
EVF	12,850	14,400	12.1%	Tăng tỷ trọng
FRT	146,300	135,800	-7.2%	Giảm tỷ trọng
GMD	66,500	72,700	9.3%	Nắm giữ
HAH	56,000	67,600	20.7%	Mua
HDG	30,200	33,800	11.9%	Tăng tỷ trọng
HHV	14,450	12,600	-12.8%	Bán
HPG	26,250	30,900	17.7%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	48,950	55,000	12.4%	Tăng tỷ trọng
MBB	23,800	22,700	-4.6%	Giảm tỷ trọng
MSH	35,800	47,100	31.6%	Mua
MWG	81,000	92,500	14.2%	Tăng tỷ trọng
NLG	36,800	39,950	8.6%	Nắm giữ
PHR	53,000	72,800	37.4%	Mua
PNJ	93,500	95,400	2.0%	Nắm giữ
PVT	17,100	18,900	10.5%	Tăng tỷ trọng
SAB	45,450	59,900	31.8%	Mua
TLG	53,000	59,700	12.6%	Tăng tỷ trọng
TCB	35,050	35,650	1.7%	Nắm giữ
TCM	28,650	38,400	34.0%	Mua
TRC	70,100	94,500	37.8%	Mua
VCG	25,400	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	55,300	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	57,000	66,650	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	23,550	17,900	-39.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

01/10	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/10	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
06/10	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng
07/10	Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
15/10	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
16/10	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI) Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
20/10	Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
30/10	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành EU - ECB công bố lãi suất Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
31/10	Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

THÔNG TIN VĨ MÔ

Mỹ đạt thoả thuận thương mại với các nước Đông Nam Á: Mỹ cho biết nước này đã đạt thoả thuận thương mại với Malaysia và Campuchia, cũng như khung thoả thuận với Thái Lan và Việt Nam, trong chuyến công du châu Á của Tổng thống Donald Trump. Mặc dù không mang tính ràng buộc pháp lý, các thông báo trên cho thấy ông Trump đã đạt bước tiến đáng kể trong việc giảm bớt rào cản thương mại cho hàng hoá Mỹ ở nước ngoài.

Mỹ - Trung cùng nhượng bộ, chờ hai nhà lãnh đạo chốt thoả thuận cuối cùng: Thương chiến Mỹ - Trung hạ nhiệt sau hai ngày đàm phán tại Malaysia. Hôm 26/10, các nhà đàm phán thương mại hàng đầu của Mỹ và Trung Quốc cho biết họ đã thống nhất nội dung về một loạt vấn đề gây tranh cãi, tạo điều kiện cho hai nhà lãnh đạo hoàn tất thoả thuận cuối cùng. Trước đó, Nhà Trắng đã thông báo Tổng thống Donald Trump sẽ gặp Chủ tịch Tập Cận Bình vào ngày 30/10, bên lề hội nghị thượng đỉnh APEC tại Hàn Quốc.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

STK - Sợi Thế Kỷ đã rút hơn 2.200 tỷ đồng cho dự án Unitex, lợi nhuận quý III giảm mạnh: CTCP Sợi Thế Kỷ ghi nhận lợi nhuận quý III/2025 giảm 87% còn gần 11 tỷ đồng do lãi chênh lệch tỷ giá giảm và chi phí lãi vay tăng, dù doanh thu tăng 4% lên 319 tỷ đồng. Công ty đã rút hơn 2.200 tỷ đồng vào dự án Nhà máy sợi Unitex tại Tây Ninh, khiến nợ vay tăng mạnh. Dù vậy, lợi nhuận đã cải thiện so với mức lỗ 6 tỷ đồng của quý II trước đó. Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần hơn 1.000 tỷ đồng, tăng 17% và lợi nhuận sau thuế khoảng 39 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu từ thị trường nội địa đạt gần 600 tỷ, chiếm 58%.

PAN lập kỷ lục doanh thu quý, lợi nhuận vẫn giảm 16% do mất nguồn thu đột biến: Tập đoàn PAN ghi nhận doanh thu quý 3/2025 đạt 5,138 tỷ đồng, tăng 1% so với cùng kỳ và xác lập kỷ lục mới. Tuy nhiên, lãi ròng giảm 16% xuống còn 156 tỷ đồng, dù vẫn là quý có lãi cao nhất trong năm. Biên lãi gộp cải thiện lên 19.8% so với 19.2% cùng kỳ. Theo giải trình của PAN, cùng kỳ năm trước, Tập đoàn ghi nhận khoản lãi gần 147 tỷ đồng từ công ty liên kết khi hợp nhất đơn vị con mới đạt quyền kiểm soát, khiến lợi nhuận quý 3/2024 tăng đột biến. Lũy kế 9 tháng đầu 2025, PAN đạt doanh thu 13,285 tỷ đồng và lãi ròng 403 tỷ đồng, cùng tăng 11% so với cùng kỳ, thực hiện 77% kế hoạch doanh thu và 60% mục tiêu lợi nhuận năm.

MSN - Quý III/2025, Masan ghi nhận lợi nhuận gấp 1,4 lần so với cùng kỳ: Doanh thu quý 3 đạt 21.164 tỷ đồng, tăng 9,7% và Lợi nhuận sau thuế đạt 1.866 tỷ đồng, gấp 1,4 lần so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, Masan đạt doanh thu 58,376 tỷ đồng, tăng 8% và lợi nhuận sau thuế 4,468 tỷ đồng, tăng gần 64%. Các mảng quân bài WCM, MML, PLH đều tăng trưởng mạnh mẽ về doanh thu và lợi nhuận. MCH giảm doanh thu 3,1% do chuyển đổi mô hình bán hàng nhưng cải thiện dần. MHT và PLH báo lãi tăng đáng kể nhờ hiệu quả vận hành và tái cấu trúc. Lợi nhuận từ Techcombank (TCB) cũng tăng 9,4%.

LIX ghi nhận lãi Q3 đi lùi: Trong quý 3, doanh thu thuần của Bột giặt Lix đạt gần 781 tỷ đồng, tăng 9% so với cùng kỳ. Chi phí giá vốn và chi phí bán hàng đều tăng đáng kể, lần lượt 10% và 26%, bên cạnh Chi phí quản lý cũng tăng nhẹ 2%. Kết quả, LIX lãi sau thuế gần 46 tỷ đồng, giảm 8%. Lũy kế 9 tháng, Lãi sau thuế công ty đạt gần 141 tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415